

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 25/ 6/ 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Ông Phan Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: Số 40- 42 - 44, Phạm T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh G quyết định “*V/v ủy quyền thường xuyên đại diện Ngân hàng TMCP N thực hiện các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm, khởi kiện, thi hành án*” số 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Trọng Đ, sinh năm: 1972 Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N, phòng giao dịch huyện H, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 243/UQ –NHKL ngày 29/11/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N. (Có mặt)

- Bị đơn: 1 - Ông **Trần Quang Th** – sinh năm 1969 (Có mặt).

2 - Bà **Lê Thị Thu Q**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: khu phố A, thị H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N là ông Vũ Trọng Đ trình bày:

Nguyên vào ngày 24/12/2012 vợ chồng ông Trần Quang Th và bà Lê Thị Thu Q có đến Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch huyện H vay số tiền gốc 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng số HD1645 ngày 24/12/2012 cụ thể thỏa thuận như sau:

- Ngày vay: 24/12/2012
- Số tiền vay: 47.000.000 đồng
- Mục đích: sửa nhà
- Thời hạn vay là 36 tháng
- Ngày giải ngân là 24/12/2012, ngày đến hạn là 24/12/2015

Lãi suất cho vay: 06 tháng đầu lãi suất cho vay là 1,6%/tháng, được điều chỉnh 6 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm 0,65%/tháng. Lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay trước thời điểm quá hạn.

Hình thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng, gốc trả đều hàng tháng, mỗi tháng 1.306.000 đồng. Nếu trả không đầy đủ và đúng hạn Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,1%/ngày/ số tiền lãi chậm trả. Trả gốc cuối kỳ.

Hình thức vay: tín chấp

Trong quá trình vay thì vợ chồng ông T, bà Q chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 13/8/2013 được số tiền tổng cộng là 7.091.275 đồng gồm gốc: 1.306.000 đồng và lãi 5.758.275 đồng.

Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần Thông báo, nhắc nhở và ông T, bà Q cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Nay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2020 ông T, bà Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 154.761.615 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm mười lăm đồng) Trong đó:

Vốn gốc: 45.694.000 đồng

Lãi trong hạn: 17.797.305 đồng

Phạt chậm trả lãi: 37.046.198 đồng

Lãi quá hạn: 54.224.111 đồng.

Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp yêu cầu xem xét, giải quyết các nội dung sau:

Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông Th, bà Q phải trả cho Ngân hàng một lần tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/6/2020 là 154.761.615 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm mười lăm đồng) trong đó Gốc là 45.694.000 đồng, Phạt chậm trả lãi: 37.046.198 đồng, Lãi trong hạn 17.797.305 đồng, Lãi quá hạn 54.224.111 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 26/6/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn Trần Quang T trình bày: Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là đúng. Ông thống nhất tính đến ngày 25/6/2020 thì vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền là 154.761.615 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm mười lăm đồng) trong đó Gốc là 45.694.000 đồng, Phạt chậm trả lãi: 37.046.198 đồng, Lãi trong hạn 17.797.305 đồng, Lãi quá hạn 54.224.111 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 26/6/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Nhưng do hiện nay gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông xin trả nợ dần cho Ngân hàng mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Lê Thị Thu Q: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập bà Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà Q đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính

đến ngày 25/6/2020 là 154.761.615 đồng. Trong đó Gốc là 45.694.000 đồng, Phạt chậm trả lãi: 37.046.198 đồng, Lãi trong hạn 17.797.305 đồng, Lãi quá hạn 54.224.111 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 26/6/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q có nơi cư trú tại: khu phố A, thị trấn H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Q mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N và ông T đồng ý xét xử vắng mặt bà Q. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thu Q.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, vào ngày 24/12/2012 vợ chồng ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q có đến Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch huyện H vay số tiền gốc 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng số HD1645 ngày 24/12/2012 cụ thể thỏa thuận như sau:

- Ngày vay: 24/12/2012
- Số tiền vay: 47.000.000 đồng
- Mục đích: sửa nhà
- Thời hạn vay là 36 tháng
- Ngày giải ngân là 24/12/2012, ngày đến hạn là 24/12/2015

Lãi suất cho vay: 06 tháng đầu lãi suất cho vay là 1,6%/tháng, được điều chỉnh 6 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm 0,65%/tháng. Lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay trước thời điểm quá hạn.

Hình thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng, gốc trả đều hàng tháng, mỗi tháng 1.306.000 đồng. Nếu trả không đầy đủ và đúng hạn Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,1%/ngày/ số tiền lãi chậm trả. Trả gốc cuối kỳ.

Hình thức vay: tín chấp

Xét giao dịch giữa Ngân hàng và ông T, bà Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 124 Bộ luật dân sự 2005. Trong quá trình vay ông T, bà Q đã nhận đủ số tiền vay nhưng từ ngày vay cho đến nay ông, bà không đóng lãi và trả nợ gốc đầy đủ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần Thông báo, nhắc nhở và ông T, bà Q cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết mà cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005

Theo quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 Quy định hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 3 của hợp đồng tín dụng HD1645 ngày 24/12/2012 thì ông T, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông T, bà Q trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn còn nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bị đơn ông T, bà Q phải trả số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 37.046.198 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên giao kết vào ngày 24/12/2012, Căn cứ Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước quy định “lãi suất cho vay” là lãi suất áp dụng đối với nợ gốc, quá hạn không quy định về “*lãi phạt chậm trả lãi*”. Hơn nữa, việc các bên thỏa thuận số tiền phạt bằng hình thức “*tỷ lệ phần trăm*” là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông T, bà Q phải trả lãi phạt chậm trả lãi là 37.046.198 đồng.

Xét yêu cầu của ông T cho rằng hiện gia đình ông đang gặp khó khăn về kinh tế nên ông xin trả nợ dần cho Ngân hàng mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận về thời hạn và số tiền phải trả nợ, nhưng phía Ngân hàng

không đồng ý cho ông T, bà Q trả nợ dần. Xét thấy yêu cầu xin trả nợ dần của ông T là không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp thực tế ông T không có khả năng trả nợ một lần, thì các bên có thể thỏa thuận thời hạn và phương thức trả nợ tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/6/2020 là 117.715.416 đồng (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn bốn trăm mười sáu đồng) trong đó Gốc là 45.694.000 đồng, Lãi trong hạn 17.797.305 đồng, Lãi quá hạn 54.224.111 đồng. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc buộc bị đơn ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi 37.046.198 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q phải chịu án phí trên số tiền buộc phải trả cho Ngân hàng TMCP N là 117.715.416 đồng x 5% = làm tròn 5.886.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP N phải chịu án phí trên số tiền Phạt chậm trả lãi không được chấp nhận là 37.046.198 đồng x 5% = làm tròn 1.852.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP N đã nộp là 3.643.000 đồng theo biên lai thu số 0003720 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ngân hàng được nhận lại số tiền án phí 1.791.000 đồng.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 122, Điều 124, Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

- Áp dụng Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 Quy định hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N.

- Buộc ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/6/2020 là 117.715.416 đồng (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn bốn trăm mười sáu đồng) trong đó Gốc là 45.694.000 đồng, Lãi trong hạn 17.797.305 đồng, Lãi quá hạn 54.224.111 đồng.

- Kể từ ngày 26/6/2020, ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng HD1645 ngày 24/12/2012 cho đến khi ông T, bà Q thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần N.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc buộc bị đơn ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi 37.046.198 đồng.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Quang T và bà Lê Thị Thu Q phải chịu án phí giá ngạch số tiền là 5.886.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP N phải chịu án phí giá ngạch số tiền 1.852.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP N đã nộp là 3.643.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003720 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ngân hàng được nhận lại số tiền án phí 1.791.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ông Trần Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Thu Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Sơn

Phan Thị Trúc Phương

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

- **Nơi nhận:**
 - Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
 - VKSND huyện Tân Hiệp;
- -THA dân sự huyện Tân Hiệp;
 - UBND xã Thạnh Trị;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

- **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**
- **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Việt

Phan Thị Trúc Phương

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ